

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-ST

Ngày 08/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA- TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Tuyến.

2. Bà Trương Thị Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Duy Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/TLST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 đối với:

* **Bị cáo: PHẠM VĂN N** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày 19/8/1998 tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn MQ, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn K, sinh năm 1954; con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1961; Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là thứ ba; vợ con chưa có; Tiền sự: Không;

- Tiền án: Bản án số 24/2015/HSST ngày 10/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Phạm Văn N 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt ngày tù ngày 30/4/2016, đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm).

- Nhân thân: Bản án số 34/2022/HSST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên xử phạt Phạm Văn N 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, Cục C10 Bộ Công an theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 43/2022/QĐ-CA ngày 02/6/2022

của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, (có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N:* Ông Hoàng Văn Vũ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, (có mặt).

* *Bị hại:*

+ Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt).

+ Hà Văn T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn NN, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt).

+ Hoàng Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn BD, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt).

+ Hà Công H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn ĐC, xã NL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt).

+ Đinh Viết H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn TL, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt).

+ Bàn Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (có mặt).

+ La Văn Q, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn LL (nay là thôn PL), xã BP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ: T25, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 22/5/2016 đến ngày 10/8/2016, Phạm Văn N đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 20 giờ ngày 22/5/2016, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Nguyễn Văn T, N nói với anh T cho mượn xe mô tô để đến nhà anh trai của N ở thôn TK, xã YL, anh T đồng ý và giao cho N chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ANPHA, BKS 22F1-124.70 kèm đăng ký để trong cốp xe. Sau khi lấy được xe, N điều khiển xe đến thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 23/5/2016, N điều khiển xe mô tô nêu trên đến nhà Nguyễn Ngọc T, trú tại tổ PH2 (nay là tổ dân phố VH), thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa. Gặp T, N hỏi: "*Anh có mua xe không, em có con xe máy này đang cần tiền muốn bán*", T hỏi: "*Xe có giấy tờ gì không?*", N nói:

"Có, nhưng anh trai em cầm mai em đưa sau, bây giờ anh đưa em một ít trước", T xem xe, trả N với giá 4.600.000^d nhưng do xe chưa có giấy tờ nên T chỉ đưa trước cho N 2.800.000^d, sau đó N đi về và hẹn T ngày hôm sau mang giấy tờ xe đến để lấy nốt số tiền còn lại. Sau khi mua được xe của N, T đem chiếc xe mô tô nêu trên đến bán cho Trần Quốc T, trú tại tổ VL (nay là tổ VG), thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa với giá 4.500.000^d. Sáng ngày 25/5/2016, N đem giấy tờ xe xuống cho T, T trả N số tiền còn lại 1.800.000^d như đã thỏa thuận ban đầu. Ngay sau khi có giấy tờ xe đến trưa cùng ngày T đến gặp anh T xin chuộc lại chiếc xe với giá 5.000.000^d, sau đó T mang chiếc xe đến gặp anh Nguyễn Văn T, trú tại thôn NT, xã NH, huyện Chiêm Hóa nhờ giới thiệu bán xe. Khoảng 10 giờ ngày 26/5/2016, anh T gọi điện thoại giới thiệu với anh Trần Đình T, trú tại thôn CD, xã TL, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đến nhà T xem xe. Sau đó anh T và T thỏa thuận mua bán chiếc xe mô tô với giá 11.000.000^d. Mua được xe, anh T đem bán cho Đình Văn T, trú tại T31, xã TH, huyện Hàm Yên với giá 12.500.000^d. Ngày 15/6/2016 anh T đã giao nộp chiếc xe mô tô nêu trên cùng đăng ký xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa.

Tại kết luận định giá tài sản số 43/KL-TĐG ngày 16/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , biển kiểm soát 22F1-124.70 có giá trị là: 12.160.000^d (mười hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Lần 2: Sau khi mang đi bán chiếc xe mô tô nêu trên, N đến quán internet tại thôn DH5, xã NH, huyện Chiêm Hóa chơi điện tử. Tại đây, N quen anh Hà Văn T1, thấy T1 có chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, biển kiểm soát 22F1-082.76 nên N nảy sinh ý định lừa anh T1 đem xe đi bán. Ngày 28/5/2016, N nói dối anh T1 là đi tỉnh Lạng Sơn có việc nên nhờ anh T1 chở N xuống thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa để bắt xe khách và bảo T1 hôm sau quay lại thị trấn Vĩnh Lộc để đón N, anh T1 đồng ý, để tiện liên lạc, N xin địa chỉ Facebook và số điện thoại của anh T1. Sau khi T1 chở N xuống thị trấn Vĩnh Lộc, anh T1 đi về, còn N vào quán Internet ở khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Chiêm Hóa chơi điện tử và liên lạc với anh T1 qua Facebook. Đến khoảng 8 giờ ngày 29/5/2016 N gọi điện thoại cho anh T1 đến thị trấn Vĩnh Lộc đón N. Khi thấy anh T1 đến, N hỏi anh T1 cho mượn xe để đi đón bạn gái ở cổng trường Trung học phổ thông Chiêm Hóa, anh T1 đồng ý giao xe cho N, sau đó N điều khiển xe mô tô nêu trên đến bán cho Nguyễn Ngọc T trú tại tổ PH2 (nay là tổ dân phố VH), thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa với giá 2.000.000^d. Quá trình mua bán, N nói với T xe mô tô trên là hàng nhái (ý nói do trộm cắp mà có), nhưng vì ham rẻ, T vẫn mua. Mua được xe, sáng ngày 30/5/2016, sợ người khác phát hiện chiếc xe do trộm cắp mà có nên T đã tháo biển số thật của xe mô tô thay biển số giả 22K6-2451, sau đó T lấy chiếc xe mô tô đi ra quán sửa chữa xe máy của anh Quan Thanh H - Địa chỉ TA1 (nay là tổ dân phố VG), thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa thay ống xả của xe mô tô bằng ống xả khác và nhờ anh H tìm người mua xe giúp. Một lúc sau, T đem chiếc xe đến nhà ông Nguyễn Văn T, trú tại

thôn NN, xã XQ, huyện Chiêm Hóa để cất giấu. Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh H giới thiệu với Nguyễn Văn Q, trú tại thôn TK, xã TH, huyện Chiêm Hóa về việc T có xe mô tô cần bán, biết Trần Khắc V, trú tại thôn M, xã TH, huyện Chiêm Hóa có nhu cầu mua xe mô tô, Q gọi điện giới thiệu với anh V. Sau đó Q nói lại với anh H, anh H gọi điện thoại cho T ra quán sửa xe của mình báo tin anh V muốn mua xe. T nhờ Phạm Tùng D, trú tại TA1 (nay là tổ dân phố VG), thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa chở đến nhà ông T để lấy chiếc xe mô tô nêu trên và hẹn gặp anh V ở dốc Đ thuộc tổ ĐĐ (nay là tổ dân phố VB), thị trấn Vĩnh Lộc. Tại địa điểm này, anh V nhất trí mua chiếc xe mô tô của T với giá 5.000.000^d, sau khi mua bán với anh V xong, T và D quay lại quán anh H. Tại đây T đưa cho anh H 200.000^d tiền cảm ơn anh H đã giới thiệu người mua xe; trả anh D 300.000^d tiền công trở đi lấy xe ở nhà ông T.

Tại kết luận định giá tài sản số 43/KL-TĐG ngày 16/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn vàng - đen, biển kiểm soát 22F1- 082.76 có giá trị là: 14.800.000^d (mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).

Lần 3: Khoảng 19 giờ ngày 26/6/2016, N gặp anh La Văn Q, trú tại thôn LL, xã BP, huyện Chiêm Hóa. Gặp Q, N hỏi mượn điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 rồi lắp sim của N vào máy gọi cho Hoàng Thị Huyền H, sinh năm 2002, trú tại thôn BD, xã YL rủ đi chơi nhưng H không đi. Thấy Q điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, biển kiểm soát 22F1-112.16 (xe của anh Bàn Văn L), nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt, N nói với Q: *"Cho anh mượn xe đi đón bạn gái xuống chơi"*, Q đồng ý rồi đi cùng N. Khi đến thôn ĐT, xã YL, N bảo Q vào quán nước ở ven đường ngồi chờ, sau đó N điều khiển xe mô tô của Q đi sang bến xe khách thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 4 giờ ngày 27/6/2016 tại bến xe khách thành phố Thái Nguyên, N thấy một người đàn ông không biết tên, địa chỉ đến hỏi: *"Có mua hàng không?"* (ý nói mua ma túy không), N nói: *"Giờ em bán xe đi mới có tiền mua"*, người đàn ông nói tiếp: *"Xe có giấy tờ không?"* N trả lời: *"Không"*, sau đó người đàn ông xem xe và nói với N: *"Xe không có giấy tờ chỉ được 2.000.000^d thôi, đồng ý thì anh đưa đi bán"*, N đồng ý cùng với người đàn ông này đi ra khỏi thành phố Thái Nguyên được khoảng 3km rồi người đàn ông bảo N: *"Em xuống ghé đá gốc cây bàng ngồi chờ anh, anh đi vào ngõ lấy tiền và thuốc rồi quay lại luôn"*, N nói: *"Đi nhanh về đón em"* rồi người đàn ông lấy xe mô tô đi. N ngồi chờ nhưng không thấy người đàn ông quay lại, biết là mình bị lừa nên N vào quán điện thoại cũ ven đường bán chiếc điện thoại Nokia 1028 mà N mượn của anh Q được 60.000^d, sau đó N đi xe khách quay về Chiêm Hóa.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53/KL-TĐG ngày 21/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, biển kiểm soát 22F1-112.16 có giá trị là: 15.760.000^d (mười năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn); 01 điện thoại

nhãn hiệu NOKIA 1208 có giá trị tại thời điểm tháng 6/2016 là: 240.000^d (*hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Lần 4: Ngày 30/6/2016, N gọi điện cho Hoàng Thị Huyền H, sinh năm 2002, trú tại thôn BD, xã YL, huyện Chiêm Hóa xuống thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa đón N mục đích để H mang xe mô tô xuống thì N lừa lấy xe. Một lúc sau, N thấy H và bạn của H điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA LUVIAS, biển kiểm soát 22F1-060.06 (xe H mượn của Hoàng Văn S bố đẻ của H) đến. Trên đường về xã YL, khi đi đến Trạm Y tế Đàm Hồng (thuộc thôn Đàm Hồng 3, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa), N dừng xe lại nói với H và bạn của H: "*Ở đây đợi anh, anh vào nhà bà ngoại lấy tiền rồi anh quay lại đón*". H đồng ý, sau đó N điều khiển xe mô tô nêu trên của H đi sang bên xe thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 5 giờ ngày 01/7/2016 tại bến xe khách thành phố Thái Nguyên, N gặp Lý Văn T, trú tại thôn ĐT, xã YL, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nhờ T tìm chỗ bán xe. T đồng ý và cùng N điều khiển xe mô tô lên huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tìm chỗ bán. Trên đường đi, T hỏi N về nguồn gốc chiếc xe, N nói cho T biết là xe do N lừa đảo chiếm đoạt mà có. Khi đến xã YL, huyện Đại Từ thì xe bị thùng sấm, T nói với N vào quán nước ven đường chờ, T đi tìm nơi sửa xe. Sau đó T lấy xe mô tô đến cửa hàng của Lê Đăng C trú tại T6 phường TĐ, thành phố Thái Nguyên cầm cố được số tiền 1.250.000^d. Đến ngày 08/7/2016, T đến chuộc lại chiếc xe mô tô nêu trên thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa phát hiện thu giữ. Còn N không thấy T quay lại nên đã đi xe khách quay về nhà.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53/KL-TĐG ngày 21/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chiêm Hóa kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA LUVIAS màu sơn nâu - vàng, biển kiểm soát 22F1-060.06 có giá trị là: 19.110.000^d (*mười chín triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn*).

Lần 5: Khoảng thời gian đầu tháng 8 năm 2016, N đến nhà anh Hà Công H trú tại thôn ĐC, xã NL, huyện Chiêm Hóa để khai thác gỗ thuê cho anh Đinh Viết H (anh H mua vườn cây lâm nghiệp của anh H). Trong quá trình khai thác gỗ thuê, N ăn ngủ tại nhà anh H. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/8/2016, N nảy sinh ý định lừa anh H lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu CAVALRY, biển kiểm soát 22FA-002.55 của anh H và chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu HASUMA 365 của anh H để ở nhà anh H đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. N nói với anh H: "*Cho cháu mượn xe mô tô ra thị trấn Vĩnh Lộc cắt gỗ xoan, quay về cháu mua thức ăn luôn*", anh H đồng ý, sau đó N lấy xe mô tô và chiếc máy cưa xăng nêu trên đi theo hướng Chiêm Hóa - Tuyên Quang để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến Km31, Quốc lộ 2 đường Tuyên Quang - Hà Giang N đi vào hiệu cầm đồ ven đường bán chiếc máy cưa xăng với giá 1.100.000^d. Sau đó, N đem chiếc xe đến huyện Đoan Hùng để tìm nơi bán nhưng không bán được. Chiều ngày 13/8/2016 do hết tiền nên N đem xe quay về huyện Chiêm Hóa. Đến khoảng 18 giờ cùng

ngày, khi N đang dừng xe để nghỉ chân tại thôn Càng Nộc, xã Hòa Phú thì bị Công an xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa phát hiện thu giữ chiếc xe nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL-TĐG ngày 31/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu CAVALRY, biển kiểm soát 22FA-002.55 có giá trị là: 4.800.000^d (bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn); 01 máy cưa nhãn hiệu HASUMA 365 có giá trị là: 900.000^d (chín trăm nghìn đồng chẵn).

Toàn bộ số tiền lừa đảo chiếm đoạt được N đã chi tiêu cá nhân hết, Ngày 04/7/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Văn N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quá trình điều tra N bỏ trốn khỏi địa pH không xác định được N ở đâu. Trong thời gian bỏ trốn vào các ngày 25/5/2016 và 09/6/2016, N còn thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Ngày 14/6/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với N. Tuy nhiên, đến giai đoạn truy tố N trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 02/11/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định truy nã đối với N. Ngày 12/3/2022 Phạm Văn N đã ra đầu thú tại phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã thu giữ được những vật chứng sau: 01 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 22F1-124.70, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn trắng - đen, của anh Nguyễn Văn T; 01 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 22F1-082.76, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn vàng - đen của anh Hà Văn T1; 01 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 22F1-060.06, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe LUVIAS, màu sơn nâu - vàng của anh Hoàng Văn Sự; 01 chiếc xe máy biển số đăng ký 22FA-002.55, nhãn hiệu CAVALRY, màu sơn nâu của anh Hà Công H. Ngày 04 tháng 10 năm 2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả toàn bộ số vật chứng nêu trên cho các bị hại là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Văn T, Hà Văn T1, Hoàng Văn S, Hà Công H, Đinh Viết H không có yêu cầu đề nghị về phần bồi thường dân sự. Đối với bị hại Bàn Văn L yêu cầu Phạm Văn N bồi thường số tiền 15.760.000^d; La Văn Q yêu cầu Phạm Văn N bồi thường số tiền 240.000^d. Đối với Nguyễn Ngọc T, là người mua hai chiếc xe mô tô của N lừa đảo mang đến bán yêu cầu N hoàn trả số tiền 6.600.000^d.

Trước cơ quan điều tra Phạm Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của Phạm Văn N còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; những người bị hại Nguyễn Văn T, Hà Văn T1, Hoàng Văn S, Hà Công H và Đinh Viết H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường về dân sự; tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại anh La Văn Q không yêu cầu bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc T, không yêu cầu bị cáo N phải hoàn trả số tiền 6.600.000^d. Bị hại Bàn Văn L yêu cầu Phạm Văn N bồi thường số tiền 15.760.000^d (giá trị chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt không thu giữ được).

Bản Cáo trạng số 45/CT-VKSCH ngày 08/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã truy tố Phạm Văn N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, do đó, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Văn N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 56, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, tổng hợp hình phạt của bản án số 34/2022/HS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bản thân không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo N và bị hại Bàn Văn L số tiền 15.760.000^d (giá trị chiếc xe bị cáo lừa đảo của bị hại).

Đối với Nguyễn Ngọc T không yêu cầu bị cáo N phải hoàn trả số tiền 6.600.000^d và La Văn Q không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền 240.000^d nên dành quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với các bị hại Nguyễn Văn T, Hà Văn T1, Hoàng Văn S, Hà Công H và Đinh Viết H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về dân sự, do đó không xem xét.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

* Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38,

Điều 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo mức án nhẹ nhất của khung hình phạt; do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn T1 bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung kết luận điều tra và bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2016 đến ngày 10/8/2016, Phạm Văn N đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 20 giờ ngày 22/5/2016, N lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 22F1-124.70 của anh Nguyễn Văn T có giá trị 12.160.000^d (*mười hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*).

Lần 2: Khoảng 8 giờ ngày 29/5/2016 N lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô 22F1- 082.76 của anh Hà Văn T1 có giá trị 14.800.000^d (*mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn*).

Lần 3: Khoảng 19 giờ ngày 26/6/2016, N lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 22F1-112.16 có giá trị 15.760.000^d (*mười năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*) của anh Bàn Văn L và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 1208 có giá trị 240.000^d (*hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*) của anh La Văn Q.

Lần 4: Khoảng 15 giờ ngày 30/6/2016, N lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 22F1-060.06 có giá trị 19.110.000^d (*mười chín triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn*) của anh Hoàng Văn S (do Hoàng Thị Huyền H mượn).

Lần 5: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/8/2016, N lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 22FA-002.55 có giá trị 4.800.000^d (bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn) của anh Hà Công H; 01 cửa xăng nhãn hiệu HASUMA 365 có giá trị 900.000^d (chín trăm nghìn đồng chẵn) của Đinh Viết H.

Tổng trị giá tài sản do Phạm Văn N lừa đảo chiếm đoạt là: 67.770.000^d (sáu mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo khai bị cáo có nghề nghiệp là làm ruộng nhưng hàng ngày bị cáo không trực tiếp cùng gia đình làm ruộng mà bị cáo thường xuyên vắng mặt tại gia đình và địa phương, sống lang thang không có nghề nghiệp. Bị cáo xác định mục đích 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại là để chi tiêu cá nhân và phục vụ cho nhu cầu đời sống hằng ngày của bị cáo. Do vậy, bị cáo cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm và đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt từ 50.000.000^d đến dưới 200.000.000^d và bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn N đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích vụ lợi. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho các chủ sở hữu tin tưởng và giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bị cáo sau đó bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Văn N là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án (ngày 10/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xử phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 24/2015/HSST); về nhân thân: Ngày 26/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án số 34/2022/HSST). Bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g và đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra, bị cáo là người cư trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra thời

điểm bị cáo phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi) nên cần áp dụng các quy định pháp luật về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo quy định tại các Điều 90, 91 và 101 của Bộ luật Hình sự.

Thời điểm bị cáo phạm tội là từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2016, sau thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực bị cáo mới bị truy tố, xét xử do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tinh thần của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 hướng dẫn theo hướng có lợi cho người phạm tội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung như mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Hiện bị cáo Phạm Văn N đang phải chấp hành hình phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án số 34/2022/HSST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tại Trại giam Thanh Cẩm, Cục C10 Bộ Công an (bản án đã có hiệu lực pháp luật), xét thấy bị cáo đang phải chấp hành bản án bị xét xử về tội phạm trước khi có bản án này, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của cả 02 bản án đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh tại địa phương, bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã thu giữ: 01 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 22F1-124.70, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn trắng - đen, của anh Nguyễn Văn T; 01 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 22F1 - 082.76, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn vàng - đen của anh Hà Văn T1; 01 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 22F1 - 060.06, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe LUVIAS, màu sơn nâu - vàng của anh Hoàng Văn Sự; 01 chiếc xe máy biển số đăng ký 22FA - 002.55, nhãn hiệu CAVALRY, màu sơn nâu của anh Hà Công H. Ngày 04 tháng 10 năm 2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả toàn bộ số vật chứng nêu trên cho các bị hại là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh Bàn Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 15.760.000^d (giá trị chiếc xe mô tô do bị cáo N lừa đảo chiếm đoạt hiện nay không thu giữ được), tại phiên tòa bị cáo N nhất trí bồi thường, bị cáo chưa bồi thường, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho

bị hại Bàn Văn L số tiền 15.760.000^d (mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đối với các bị hại Nguyễn Văn T, Hà Văn T1, Hoàng Văn S, Hà Công H và Đinh Viết H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo N phải bồi thường về dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Ngọc T không yêu cầu bị cáo N phải hoàn trả số tiền 6.600.000^d và La Văn Q không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền 240.000^d nên dành quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định (tuy bị cáo thuộc diện hộ nghèo tại địa phương nhưng bị cáo không có đơn đề nghị, do vậy bị cáo không được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi của Trần Khắc V; Trần Đình T; Đinh Văn T; Quan Thanh H; Nguyễn Văn Q; Phạm Tùng D; Nguyễn Văn T; Lê Đăng C xác định những người nêu trên quá trình mua bán, môi giới không biết xe mô tô do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, biển kiểm soát 22F1-112.16 mà Phạm Văn N đang tìm nơi tiêu thụ. Do chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa tách ra tiếp tục điều tra làm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nguyễn Ngọc T, Lý Văn T đã được đưa ra xét xử tại Bản án số 03/2017/HSST ngày 10/01/2017 là đúng quy định, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 điều 38, 48, 56, 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của Bản án số 34/2022/HSST ngày 26/4/2022 của Tòa án

nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Buộc Phạm Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N phải bồi thường cho bị hại Bàn Văn Lê số tiền 15.760.000^d (mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 788.000^d (bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/9/2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, N vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện CH;
- Cơ quanĐT CA huyện CH;
- Cơ quan THAHS CA huyện CH;
- Chi cục THADS huyện CH;
- Đội HSNV, CA huyện CH;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Bị cáo; NNTGTT;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh